

Bản án số: 12/2023/HC-PT

Ngày: 09/01/2023

Khiếu kiện quyết định hành chính về đất đai

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà;

Các Thẩm phán: Ông Thái Duy Nhiệm;
Ông Bùi Xuân Trọng.

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Nhật Phong - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Mai, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 09 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 333/2022/TLPT-HC ngày 18 tháng 8 năm 2022 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính về đất đai” do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2022/HCST ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh T.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11954/2022/QĐ-PT ngày 20 tháng 12 năm 2022 giữa:

* ***Người khởi kiện:*** Ông Lê Đình C sinh năm 1948 và Bà Nguyễn Thị L sinh năm 1950; Cùng địa chỉ: số 83, Liên kè 13, phố T1, phường A, Thành phố T, tỉnh T; Có mặt.

* ***Người bị kiện:***

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh T2- Chủ tịch UBND tỉnh T.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đức G – Phó Chủ tịch UBND tỉnh T; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh T.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Huy T3 - Chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh T; Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Mai K - Phó Chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh T; Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp UBND thành phố: Bà Trần Thị Thái L1 - Chuyên viên phòng tài nguyên môi trường Thành Phố T; Vắng mặt.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- UBND phường T4, thành phố T, tỉnh T.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Như H - Phó Chủ tịch UBND phường T4, thành phố T, tỉnh T; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp: Ông Lê Chí T5 – Công chức địa chính UBND phường T4; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bà Lê Thị Ánh T6 sinh năm 1976, bà Lê Thị Thanh H1 sinh năm 1978, ông Lê Đại T7 sinh năm 1980 và ông Trần Văn T8 (chồng bà T6); Cùng địa chỉ: số 83, Liên kè 13, phố T1, phường A, Thành phố T, tỉnh T; Đều có mặt.

Người kháng cáo: Ông Lê Đình C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, người khởi kiện trình bày như sau:

Năm 2016, UBND thành phố T, tỉnh T thu hồi đất để bồi thường giải phóng mặt bằng dự án Đại lộ Đông Tây đã thu hồi đất gia đình ông, bà cụ thể:

- Quyết định thu hồi đất số 470, 471, 472, 473, 474 ngày 17/01/2018 của UBND Thành phố T.

- Quyết định thu hồi đất số 9115/QĐ-UBND ngày 14/10/2019 của UBND Thành phố T về việc điều chỉnh Quyết định số 474 ngày 17/01/2018.

- Quyết định giải quyết khiếu nại số 7236/QĐ-UBND ngày 08/9/2020 của UBND Thành phố T.

- Quyết định giải quyết khiếu nại số 4786/QĐ-UBND ngày 05/11/2020 của UBND tỉnh T.

Nguồn gốc thửa đất: Ngày 30/6/1981, gia đình ông, bà nhận chuyển nhượng hai gian nhà của ông Vũ Thanh B. Việc mua bán giữa hai gia đình được lập thành văn bản và được UBND phường T4 xác nhận ngày 11/01/1986, trong đó UBND thị xã T đã xác định rất rõ ranh giới của căn nhà cùng thửa đất, cụ thể: Phía Đông giáp khu tập thể bánh kẹo; phía Tây giáp ruộng HTX nông nghiệp; Phía Nam giáp đê; phía Bắc giáp hàng rào.

Năm 1984, gia đình ông, bà đã chuyên nhượng một phần đất nêu trên cho ông Lê Kim B1 diện tích là 100,0m².

Theo bản đồ địa chính lập năm 1994 thì thửa đất của gia đình ông C đang sử dụng thuộc thửa đất số 89, tờ bản đồ số 19, diện tích là 453,0m²; Loại đất T; Chủ sử dụng là Lê Đình C.

Năm 1999, gia đình ông, bà chuyên nhượng 100,0m² đất cho gia đình ông Trần Văn T9. Hai bên đã làm giấy viết tay, chưa có xác nhận của chính quyền địa phương.

Năm 2002, phần đất gia đình ông, bà đang sử dụng đã được UBND Thành phố T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gồm 200m² đất ở và 206,7m² đất vườn.

Trên cơ sở đó, năm 2003 ông, bà đã làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất cho các con gồm:

- Ông Lê Đại T7, diện tích 110,2m² (trong đó 40m² đất ở và 70,2m² đất vườn).

- Bà Lê Thị Thanh H1, diện tích 114,5m² (trong đó 40m² đất ở và 74,5m² đất vườn).

- Bà Lê Thị Ánh T6, diện tích 99,9m² (trong đó 40m² đất ở và 59,9m² đất vườn) Việc tặng cho đã được đo vẽ và thể hiện trong Biên bản thẩm định của UBND phường.

Theo bản đồ kỹ thuật số phường T4 đo đạc năm 2011 thì thửa đất của gia đình ông C đang sử dụng thuộc 02 thửa đất số 85 và 86; Tờ bản đồ số 22; Diện tích lần lượt là 85,7m² và 462,2m²; Loại đất là đất ODT; Chủ sử dụng là Lê Đình C và con gái là Lê Thị Ánh T6.

Ngày 17/01/2018, ông, bà cùng các con của mình nhận được các Quyết định số 470, 471, 472, 473, 474 về việc thu hồi đất của các hộ gia đình để thực hiện dự án đầu tư xây dựng vành đai Đông Tây, Thành phố T.

Tuy nhiên, trong các Quyết định thu hồi đất nêu trên chỉ bồi thường cho gia đình ông, bà tổng số 200,0m² đất ở và 341,4m² đất vườn, còn 125,0m² đất là đất trồng cây lâu năm khác. Trong khi đó, tổng diện tích đất mà gia đình ông bà cùng các con sử dụng là 666,4m² đất ở.

Ngày 08/9/2020, UBND Thành phố T đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 7236/QĐ-UBND. Trong nội dung giải quyết khiếu nại, UBND Thành phố T kết luận rằng trong tổng số 666,4m² đất mà gia đình ông đang sử dụng chỉ có 200,0m² đất ở và 341,4m² đất vườn liền với thửa đất, còn 125,0m² đất là đất trồng cây lâu năm khác với thửa đất.

Ngày 05/11/2020, UBND tỉnh T đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 4786/QĐ-UBND. Trong nội dung giải quyết khiếu nại, UBND tỉnh T kết

luận rằng việc bồi thường cho gia đình ông 200,0m² đất ở và 341,4m² là đúng quy định.

Nay ông C, bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh T:

- Hủy các Quyết định thu hồi đất số 470, 471, 472, 473, 474 ngày 17/01/2018 của UBND Thành phố T.

- Hủy Quyết định thu hồi đất số 9115/QĐ-UBND ngày 14/10/2019 của UBND Thành phố T về việc điều chỉnh Quyết định số 474 ngày 17/01/2018.

- Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 7236/QĐ-UBND ngày 08/9/2020 của UBND Thành phố T.

- Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 4786/QĐ-UBND ngày 05/11/2020 của UBND tỉnh T.

** Tại Văn bản ý kiến số 1409/UBND-TNMT ngày 22/3/2020, đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND thành phố T trình bày:*

1. Về nguồn gốc đất và hồ sơ quản lý đất đai: Khu đất hộ ông Lê Đình C đang khiếu nại tại địa chỉ 03/208 phố P1 4, phường T4 có nguồn gốc do hộ ông C nhận chuyển nhượng 02 gian nhà của ông Vũ Thanh B. Ông C cung cấp “Giấy nhượng nhà giấy dầu 2 gian của ông Vũ Thanh B cho ông C đề ngày 30/6/1981”, được UBND phường P xác nhận ngày 11/01/1986, giấy tờ không thể hiện diện tích đất bán.

Ngày 24/7/1986, tại Văn bản số 37/NĐ-UBTX của UBND thị xã T cho phép ông Vũ Thanh B, phố P1, phường P được bán 02 gian nhà lợp giấy dầu cho ông Lê Đình C, nằm trên lô đất có vị trí: Phía Đông giáp ao Khu tập thể bánh kẹo, phía Tây giáp ruộng Hợp tác xã nông nghiệp, phía Nam giáp bờ đê, phía Bắc giáp hàng rào.

Biên bản kiểm tra quản lý sử dụng đất ngày 09/6/1988 của Đoàn kiểm tra hiện trạng sử dụng đất theo Quyết định số 925/NN-UBTH ngày 17/7/1987 của UBND tỉnh T, thể hiện hiện trạng công trình hộ ông Lê Đình C sử dụng gồm 4 gian nhà ngói + liếp và công trình phụ, không thể hiện diện tích sử dụng.

Kiểm tra bản đồ địa chính phường T4 phê duyệt năm 1985 (theo Chỉ thị 299/TTg), không thể hiện vị trí đất ông C trên bản đồ.

Kiểm tra bản đồ địa chính phường T4 phê duyệt năm 1994 (theo Chỉ thị 364/TTg), vị trí đất ông C xác định tại thửa 89, tờ bản đồ số 19, diện tích 453m², loại đất T, sổ mục kê ghi tên Lê Văn C.

Theo bản đồ đo vẽ kỹ thuật số phường T4 năm 2011 xác định thuộc tờ bản đồ số 22, gồm 02 thửa: thửa 85, diện tích 85,7m², loại đất ODT, sổ mục kê ghi tên Lê Thị Ánh T6 (con gái ông C) và thửa 86, diện tích 462,2m², loại đất ODT, sổ mục kê ghi tên Lê Đình C.

Ngày 08/8/2002, hộ ông C được UBND thành phố cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ), diện tích 460,7m², gồm 200m² đất ở và 206,7m² đất vườn tại thửa 89, tờ bản đồ số 19, bản đồ địa chính phường T4 phê duyệt năm 1994.

Năm 2003, ông C cho tặng quyền sử dụng đất cho 03 người con, gồm: ông Lê Đại T7, bà Lê Thị Ánh T6 và bà Lê Thị Thanh H1, mỗi người con được tặng cho 40m² đất ở và 41,6m² đất vườn. Việc cho tặng được UBND phường T4 lập Biên bản kiểm tra hiện trạng ngày 28/12/2003.

Quá trình sử dụng đất, năm 1984, gia đình ông C chuyển nhượng cho gia đình ông Lê Kim B1 100m²; năm 1999, gia đình ông chuyển nhượng cho gia đình ông Trần Văn T9 100m², cụ thể: Kiểm tra bản đồ địa chính phường T4 phê duyệt năm 1994 (theo Chỉ thị 364/TTg), vị trí đất ông Lê Kim B1 được xác định tại thửa 88, tờ bản đồ số 19, diện tích 106m², loại đất T, sổ mục kê ghi tên Lê Văn Bảo.

Ngày 10/7/2013, UBND thành phố cấp GCNQSDĐ số BP 389750 cho hộ ông Lê Kim B1, diện tích 106,1m², gồm 90m² đất ở và 16,1m² đất trồng cây lâu năm cùng thửa đất ở tại thửa 88, tờ bản đồ số 19, bản đồ địa chính phường T4 phê duyệt năm 1994.

Vị trí đất ông C chuyển nhượng cho hộ ông Trần Văn T9 bằng giấy viết tay ngày 25/8/1999, diện tích 100m², hiện nay đang do hộ ông Trần Văn T8 (con trai ông Thiện) đang sử dụng để xây dựng nhà, các công trình khác để ở, ông Thiện chưa được cấp GCNQSDĐ.

2. Hồ sơ kiểm kê, bồi thường giải phóng mặt bằng đối với hộ ông Lê Đình C và 03 hộ con: Ngày 07/12/2016, UBND thành phố ban hành Thông báo số 588/TBUBND về việc thu hồi đất để bồi thường GPMB dự án Đại lộ Đông Tây. Hội đồng kiểm kê GPMB, đã lập biên bản kiểm kê tài sản vật kiến trúc và đất riêng biệt đối với ông C và 03 hộ con gồm ông Lê Đại T7, bà Lê Thị Thanh H1 và bà Lê Thị Ánh T6 bị ảnh hưởng dự án Đại lộ Đông Tây. Diện tích thực tế ông C và 03 hộ con đang sử dụng, phải thu hồi đất thực hiện dự án 666,4m².

Biên bản xác định nguồn gốc sử dụng đất của các hộ bị ảnh hưởng dự án do Hội đồng tư vấn đất đai phường T4 lập ngày 06/7/2017, xác định: Đất của ông C có nguồn gốc nhận chuyển nhượng của ông Vũ Thanh B năm 1981 và ngày 08/8/2002 đã được UBND thành phố cấp GCNQSDĐ, diện tích 406,7m², gồm 200m² đất ở và 206,7m² đất vườn. Hiện tại, sử dụng ổn định, không có tranh chấp. Đề nghị bồi thường như sau:

- Ông Lê Đình C, diện tích thực tế thu hồi thực hiện dự án 216,8m², bồi thường, hỗ trợ 80m² đất ở và 136,8m² đất vườn.

- Ông Lê Đại T7, diện tích thực tế thu hồi thực hiện dự án 110,2m², bồi thường, hỗ trợ 40m² đất ở và 70,2m² đất vườn.

- Bà Lê Thị Thanh H1, diện tích thu hồi thực hiện dự án 114,5m², bồi thường, hỗ trợ 40m² đất ở và 74,5m² đất vườn.

- Bà Lê Thị Ánh T6, diện tích thu hồi thực hiện dự án 99,9m², bồi thường, hỗ trợ 40m² đất ở và 59,9m² đất vườn.

- Phần diện tích ông C trình bày bán cho ông Trần Văn T9 được kiểm kê cho ông Trần Văn T8 (chồng bà Lê Thị Ánh T6) 125m², đề nghị không bồi thường do lấn chiếm.

Ngày 17/01/2018, UBND thành phố ban hành các Quyết định về việc thu hồi đất của hộ ông C và 03 hộ con để thực hiện dự án, cụ thể:

- Quyết định số 470/QĐ-UBND thu hồi 216,8m² gồm 80m² đất ở và 136,8m² đất trồng cây lâu năm cùng thửa đất ở của ông Lê Đình C, thuộc thửa 89, tờ bản đồ số 19, bản đồ địa chính phường T4 phê duyệt năm 1994.

- Quyết định số 471/QĐ-UBND thu hồi 99,9m² gồm 40m² đất ở và 59,9m² đất trồng cây lâu năm cùng thửa đất ở của bà Lê Thị Ánh T6, thuộc thửa 89, tờ bản đồ số 19, bản đồ địa chính phường T4 phê duyệt năm 1994.

- Quyết định số 472/QĐ-UBND thu hồi 110,2m² gồm 40m² đất ở và 70,2m² đất trồng cây lâu năm cùng thửa đất ở của ông Lê Đại T7, thuộc thửa 89, tờ bản đồ số 19, bản đồ địa chính phường T4 phê duyệt năm 1994.

- Quyết định số 473/QĐ-UBND thu hồi 114,5m² gồm 40m² đất ở và 74,5m² đất trồng cây lâu năm cùng thửa đất ở của bà Lê Thị Thanh H1, thuộc thửa 89, tờ bản đồ số 19, bản đồ địa chính phường T4 phê duyệt năm 1994.

- Quyết định số 474/QĐ-UBND thu hồi 125m² của ông Trần Văn T8 - bà Lê Thị Ánh T6, trong đó diện tích không đủ điều kiện bồi thường 125m² trích đo thể hiện tại thửa số 86, tờ bản đồ số 23, đo vẽ năm 2016 (Phần đất ông C trình bày đã chuyển nhượng cho ông Trần Văn T9).

Ngày 28/3/2018, UBND thành phố ban hành Quyết định số 2370/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án (phần dự toán bồi thường, hỗ trợ GPMB) của các hộ phường T4 bị ảnh hưởng dự án, trong đó có hộ ông C và 03 hộ con, cụ thể:

- Hộ ông C được bồi thường, hỗ trợ tổng giá trị 1.238.025.000 đồng (bồi thường, hỗ trợ về đất 892.794.000 đồng, gồm 80m² đất ở: 480.000.000 đồng và 136,8m² đất vườn cùng thửa đất ở: 412.794.000 đồng).

- Hộ ông Lê Đại T7 được bồi thường, hỗ trợ tổng giá trị 773.384.000 đồng (bồi thường, hỗ trợ về đất 451.829.000 đồng, gồm 40m² đất ở: 240.000.000 đồng và 70,2m² đất vườn cùng thửa đất ở: 211.829.000 đồng).

- Hộ bà Lê Thị Ánh T6 được bồi thường, hỗ trợ tổng giá trị 767.203.000 đồng (bồi thường, hỗ trợ về đất 420.749.000 đồng, gồm 40m² đất ở: 240.000.000 đồng và 59,9m² đất vườn cùng thửa đất ở: 180.749.000 đồng).

- Hộ bà Lê Thị Thanh H1 được bồi thường, hỗ trợ tổng giá trị 659.657.000 đồng (bồi thường, hỗ trợ về đất 464.804.000 đồng, gồm 40m² đất ở: 240.000.000 đồng và 74,5m² đất vườn cùng thửa đất ở: 224.804.000 đồng).

Ngày 14/10/2019, UBND thành phố ban hành Quyết định số 9115/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Quyết định số 474/QĐ-UBND ngày 17/01/2018, theo đó: thu hồi 125m² đất của hộ ông Trần Văn T8 để thực hiện dự án. Diện tích 125m² đủ điều kiện được bồi thường là đất nông nghiệp khác thửa với đất ở.

Ngày 12/5/2020, UBND thành phố ban hành Quyết định số 3635/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án (phần dự toán bồi thường, hỗ trợ GPMB) của các hộ phường T4 bị ảnh hưởng dự án, trong đó hộ ông Trần Văn T8 - bà Lê Thị Ánh T6 được bồi thường 125m² đất trồng cây lâu năm khác thửa đất ở: 4.375.000 đồng.

Như vậy, hộ ông C và 03 hộ con đã được bồi thường, hỗ trợ gồm 200m² đất ở, hỗ trợ 341,4m² đất vườn cùng thửa đất ở và 125m² đất trồng cây lâu năm khác thửa đất ở.

Hộ ông C khiếu nại yêu cầu bồi thường 666,4m² đất ở.

3. Kết quả kiểm tra hiện trạng sử dụng đất:

- Kết quả kiểm tra hiện trạng sử dụng đất ngày 17/7/2020:

Toàn bộ thửa đất, hộ ông C và 03 hộ con đã xây dựng các công trình phục vụ để ở, sinh hoạt hàng ngày và xây dựng chuồng trại, tường rào bao quanh, sử dụng đất ổn định, không tranh chấp với các hộ liền kề, vị trí cụ thể: Phía Đông giáp đất ao. Phía Tây giáp đất hộ ông Lê Kim B1 và đất hộ ông Lê Vĩnh Tường. Phía Nam giáp đường hiện trạng. Phía Bắc giáp đất hộ ông Lê Doãn Thập. Việc bồi thường, hỗ trợ về tài sản vật kiến trúc, cây cối hoa màu ông C và 03 hộ con không có thắc mắc, kiến nghị gì thêm.

- Kết quả làm việc với các phòng, ban đơn vị có liên quan và UBND phường T4 ngày 17/8/2020: Quá trình từ khi sử dụng đất đến thời điểm thu hồi đất thực hiện dự án Đại lộ Đông Tây, hộ ông C sử dụng ổn định, không bị xử phạt vi phạm về trật tự xây dựng và sử dụng đất đai. Không có hồ sơ, tài liệu thể hiện việc sử dụng đất của hộ ông Vũ Thanh B (Người chuyển nhượng nhà giấy dầu 2 gian cho hộ ông C) trước những năm 1980. Căn cứ vào nguồn gốc và thời gian sử dụng đất được thể hiện qua các giấy tờ hộ ông C cung cấp và hồ sơ địa chính: Việc UBND thành phố T bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 666,4m² đất của hộ ông C và 03 hộ con đang sử dụng, gồm 200m² đất ở, 341,4m² đất vườn cùng thửa đất ở và 125m² đất trồng cây lâu năm khác thửa đất ở là đúng quy định.

Việc ông Lê Đình C khiếu nại yêu cầu Hủy Quyết định số 470/QĐ-UBND ngày 17/01/2018; Quyết định số 471/QĐ-UBND ngày 17/01/2018 Quyết định số 472/QĐ-UBND ngày 17/01/2018 Quyết định số 473/QĐ-UBND

ngày 17/01/2018 và Quyết định số 474/QĐ-UBND ngày 17/01/2018 của UBND thành phố T về việc thu hồi đất; Hủy Quyết định số 9115/QĐ-UBND ngày 14/10/2019 của UBND thành phố T; Quyết định số 7236/QĐ-UBND ngày 08/9/2020 của Chủ tịch UBND thành phố T là không có cơ sở.

** Tại Văn bản ý kiến số 13618/UBND-TD ngày 03/9/2021, đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND tỉnh T trình bày: Ngày 08/9/2020, Chủ tịch UBND thành phố T đã ban hành Quyết định số 7236/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Lê Đình C; không đồng ý với quyết định giải quyết của Chủ tịch UBND thành phố T, ông C khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh.*

Khu đất ông Lê Đình C đang khiếu nại không có tên trong hồ sơ địa chính 299 phê duyệt năm 1985; trên hồ sơ địa chính 364 phê duyệt năm 1994 thuộc thửa số 89, tờ bản đồ số 19, diện tích 453m², loại đất T, sổ mục kê ghi tên Lê Văn C và một phần thửa số 91, tờ bản đồ số 19, diện tích 558m², loại đất Ao, chủ sử dụng là UBND phường.

Không có căn cứ xác định các hộ gia đình đã được giao và sử dụng làm đất ở trước năm 1980.

- Năm 2002, gia đình ông Lê Đình C được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 406,7m² (200m² đất ở và 206,7m² đất vườn). Diện tích tại thời điểm thu hồi đất là: 666,4m².

Căn cứ tại Khoản 1, Điều 11, Luật Đất đai năm 2013 về xác định loại đất, quy định: “Việc xác định loại đất theo một trong các căn cứ sau đây:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đã được cấp trước ngày 10 tháng 12 năm 2009...”

Đối chiếu với quy định nêu trên, việc UBND thành phố T thu hồi và bồi thường đất cho gia đình ông Lê Đình C và các con ông 200m² đất ở và 206,7m² đất vườn là đúng quy định. Ông Lê Đình C khiếu nại đòi bồi thường toàn bộ diện tích 666,4m² đất ở là không có cơ sở.

Ngày 29/12/2020, UBND tỉnh đã có Công văn số 423/UBND-TD ngày 11/01/2021 giao Thanh tra tỉnh rà soát lại vụ việc khiếu nại của ông Lê Đình C phố P1 4, phường T4, thành phố T; ngày 15/01/2021, Thanh tra tỉnh có Văn bản số 91/BC-TTTH báo cáo Bí thư Tỉnh ủy và Chủ tịch UBND tỉnh kết quả rà soát khiếu nại của ông Lê Đình C.

Trên cơ sở kết quả rà soát của Thanh tra tỉnh tại Văn bản số 91/BC-TTTH ngày 15/01/2021, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 1621/UBND-TD ngày 02/02/2021 trả lời ông Lê Đình C về kết quả rà soát khiếu nại, cụ thể: UBND thành phố T thu hồi và bồi thường đất cho gia đình ông Lê Đình C và các con ông 200m² đất ở là đúng quy định. Ông Lê Đình C khiếu nại đòi bồi thường toàn bộ diện tích 666,4m² đất ở là không có cơ sở.

** Tại Văn bản ý kiến 75/UBND ngày 04/5/2022, UBND phường T4 thống nhất với quan điểm, ý kiến của UBND thành phố T.*

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2022/HCST ngày 15 tháng 6 năm 2022, Tòa án nhân dân tỉnh T đã quyết định:

Áp dụng khoản 3, khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 11 Luật Đất đai; điểm a khoản 5 Điều 24 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Điều 12 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ.

Xử:

Bác đơn khởi kiện của ông Lê Đình C, bà Nguyễn Thị L yêu cầu giải quyết:

- Hủy Quyết định số 470/QĐ UBND ngày 17/01/2018 của UBND thành phố T về việc thu hồi đất;

- Hủy Quyết định số 471/QĐ-UBND ngày 17/01/2018 của UBND thành phố T về việc thu hồi đất;

- Hủy Quyết định số 472/QĐ-UBND ngày 17/01/2018 của UBND thành phố T về việc thu hồi đất;

- Hủy Quyết định số 473/QĐ-UBND ngày 17/01/2018 của UBND thành phố T về việc thu hồi đất;

- Hủy Quyết định số 474/QĐ-UBND ngày 17/01/2018 của UBND thành phố T về việc thu hồi đất;

- Hủy Quyết định số 9115/QĐ-UBND ngày 14/10/2019 của UBND thành phố T về việc thu hồi đất;

- Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 7236/QĐ-UBND ngày 08/9/2020 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc thu hồi đất;

- Hủy bỏ Quyết định giải quyết khiếu nại số 4786/QĐ-UBND ngày 05/11/2020 của UBND tỉnh T về việc thu hồi đất.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 27/6/2022, người khởi kiện là ông Lê Đình C có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo đề nghị Tòa án hủy các Quyết định thu hồi đất của UBND thành phố T và các Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thành phố T và UBND tỉnh T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích tài liệu có trong hồ sơ có ý kiến thể hiện: Tòa án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông C bà L là đúng quy định. Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện không xuất trình được tài liệu mới bảo vệ cho quan điểm của mình nên không có căn cứ để xem xét kháng cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận và nghị án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngày 21/6/2021, Ông Lê Đình C và bà Nguyễn Thị L gửi đơn khởi kiện đề nghị Tòa án hủy các Quyết định số 470/QĐ-UBND; Quyết định số 471/QĐ-UBND ngày 17/01/2018; Quyết định số 472/QĐ-UBND; Quyết định số 473/QĐ-UBND và Quyết định số 474/QĐ-UBND về việc thu hồi đất; Quyết định số 9115/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường UBND thành phố T; Quyết định số 7236/QĐ-UBND ngày 08/9/2020 của Chủ tịch UBND thành phố T; Quyết định số 4786/QĐ-UBND ngày 05/11/2020 của UBND tỉnh T giải quyết khiếu nại đối với hộ gia đình ông bà là trong thời hiệu khởi kiện, Tòa án nhân dân tỉnh T thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo khoản 4 Điều 32 và điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Bản án sơ thẩm xác định về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, về quyết định hành chính liên quan. Việc chứng minh, thu thập chứng cứ đã được thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định tại chương VI Luật Tố tụng hành chính.

Tại Quyết định số 474/QĐ-UBND thu hồi 125m² đất của ông Trần Văn T8 và bà Lê Thị Ánh T6. Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông T8 tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi liên quan là thiếu sót. Tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm ông T8 có mặt và tại cấp phúc thẩm đã triệu tập ông T8 tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đảm bảo quyền lợi của ông T8.

[3] Đơn kháng cáo của ông Lê Đình C trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[4] Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá tính hợp pháp của các quyết định hành chính bị khiếu kiện, theo đó:

[4.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành quyết định hành chính:

Thực hiện Dự án xây dựng: “Đường vành đai Đông Tây từ thị trấn Rừng Thông đến Quốc lộ 1A”, UBND thành phố T ban hành Quyết định số 470, 471, 472, 473, 474, 9115 thu hồi 406,7m² (200m² đất ở và 206,7m² đất vườn). Diện tích tại thời điểm thu hồi đất là: 666,4m², thuộc thửa số 89, tờ bản đồ số 19, diện tích 453m², loại đất T, sổ mục kê ghi tên Lê Văn C và một phần thửa số

91, tờ bản đồ số 19, diện tích 558m², loại đất Ao, chủ sử dụng là UBND phường; Quyết định giải quyết khiếu nại số 7236/QĐ-UBND ngày 08/9/2020 của UBND Thành phố T; Quyết định giải quyết khiếu nại số 4786/QĐ-UBND ngày 05/11/2020 của UBND tỉnh T là đúng thẩm quyền và đảm bảo trình tự, thủ tục từ khi thông báo đến kiểm kê, phê duyệt phương án bồi thường và ban hành Quyết định thu hồi đất theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 66; Điều 67 Luật Đất đai 2013.

[4.2] Về nội dung, căn cứ ban hành Quyết định:

Theo Quyết định thu hồi đất số 470, 471, 472, 473, 474, 9115, hộ ông C, bà L bị thu hồi toàn bộ diện tích tại thửa số 89 là 666,4m², nhưng chỉ được bồi thường 406,7m², trong đó 200m² được bồi thường là đất ở và 341,4m² được bồi thường là đất trồng cây hàng năm trong cùng thửa đất ở, còn lại 125m² có nguồn gốc là đất Ao của UBND phường, được xác định là đất trồng cây lâu năm khác thửa đất ở.

Về nguồn gốc sử dụng đất và hồ sơ địa chính qua các thời kỳ, thể hiện: Khu đất ông C đang khiếu nại có nguồn gốc mua của ông Vũ Thanh B năm 1981 có hiện trạng 02 gian nhà giấy dầu (có giấy nhượng nhà do ông Bình viết tại bút lục số 15) được UBND phường P xác nhận ngày 11/01/1986 (giấy tờ không thể hiện diện tích đất tại bút lục số 15), gia đình ông C sử dụng đến thời điểm Nhà nước thu hồi đất không có tranh chấp; năm 1984 chuyển nhượng cho gia đình ông Lê Kim B 100m²; năm 1999 chuyển nhượng cho gia đình ông Trần Văn T9 100m²; năm 2003 tặng cho các con ông là Lê Đại T7, Lê Thị Ánh T6 và Lê Thị Thanh H1, mỗi người 40m² đất ở và 41,6m² đất vườn. Việc tặng cho được UBND phường T4 lập Biên bản kiểm tra hiện trạng ngày 28/12/2003.

Theo bản đồ địa chính phê duyệt năm 1985 (theo Chỉ thị 299/TTg) không thể hiện vị trí đất ông Lê Đình C bị thu hồi; Bản đồ địa chính phê duyệt năm 1994 (theo Chỉ thị 364/TTg), khu đất gia đình ông C đang sử dụng thuộc thửa 89, tờ bản đồ số 19 có diện tích 453m², loại đất T, sổ mục kê ghi tên Lê Đình C và một phần thửa 91, tờ bản đồ số 19 diện tích nguyên thửa 558m², loại đất Ao, chủ sử dụng là UBND phường.

Theo bản đồ đo vẽ kỹ thuật số của phường T4 năm 2011, vị trí đất ông C bị thu hồi thuộc tờ bản đồ số 22 gồm 03 thửa:

+ Thửa 85 diện tích 85,7m², loại đất ONT, sổ mục kê ghi tên Lê Thị Ánh T6 (con gái ông C);

+ Thửa 86 diện tích 462,2m², loại đất ONT, sổ mục kê ghi tên Lê Đình C (tổng diện tích 02 thửa 85+86 là 547,9m²);

+ Một phần thửa số 87, diện tích nguyên thửa 561,5m², loại đất TSN do UBND phường quản lý.

Hồ sơ kỹ thuật thửa đất đo vẽ năm 2016 để phục vụ công tác thu hồi, giải phóng mặt bằng, khu đất ông C đang khiếu nại có diện tích 666,4m² được tách thành các thửa nhỏ theo yêu cầu của gia đình ông C, gồm:

- + Thửa số 85, diện tích 99,9m² chủ sử dụng là bà Lê Thị Ánh T6;
- + Thửa số 86 (1), diện tích 216,8m² chủ sử dụng là ông Lê Đình C;
- + Thửa số 86 (2), diện tích 110,2m² chủ sử dụng là ông Lê Đại T7;
- + Thửa số 86 (3), diện tích 114,5m² chủ sử dụng là bà Lê Thị Thanh H1;
- + Thửa số 86 (4), diện tích 125,0m² chủ sử dụng là bà Lê Thị Ánh T6.

Tại Biên bản kiểm tra nhà ở, đất ở (theo Nghị định 60/CP của Chính phủ) lập ngày 10/9/1998 của Đoàn kiểm tra gồm: Đại diện Ban chỉ đạo tỉnh (Sở Xây dựng, Sở Địa chính), phòng Quản lý Đô thị Thành phố, Đại diện UBND phường T4, khối phố có xác nhận của chủ hộ (bà Nguyễn Thị L) và xác nhận giáp ranh (nhà ông Bảo thửa 88, nhà ông Thập thửa 90) xác định diện tích đất hộ ông C là 406,7m² (200m² đất ở và 206,7m² đất vườn) có kích thước các cạnh đất cụ thể. Ngày 08/8/2002, hộ ông C được UBND Thành phố T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích là 406,7m² gồm: 200m² đất ở và 206,7m² đất vườn tại thửa 89, tờ bản đồ số 19 bản đồ địa chính phường T4, phê duyệt năm 1994, kích thước thửa đất phù hợp với kích thước tại Biên bản kiểm tra đo vẽ năm 1998.

Năm 2003, ông C, bà L tặng cho quyền sử dụng đất cho 03 người con gồm: ông Lê Đại T7, bà Lê Thị Ánh T6 và bà Lê Thị Thanh H1, mỗi người con được tặng cho 81,6m² (trong đó: 40m² đất ở và 41,6m² đất vườn); còn lại 161,9m² hộ ông C để lại sử dụng, trong đó có 80m² đất ở và 81,9m² đất vườn. Việc tặng cho được UBND phường T4 lập Biên bản kiểm tra và thẩm định hợp đồng cho nhà và chuyển quyền sử dụng đất ngày 28/12/2003 (có xác nhận của phòng Quản lý đô thị Thành phố T), kích thước thửa đất phù hợp với kích thước tại Biên bản kiểm tra đo vẽ năm 1998 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 2002.

Tại biên bản hội nghị xác định thời gian và nguồn gốc sử dụng đất của UBND phường T4 xác định như sau:

+ Đất của ông C, bà L có nguồn gốc là nhận chuyển nhượng của ông Bình, bà Nhân năm 1981. Đất của ông Bình, bà Nhân có nguồn gốc là đất phần trăm (đất nông nghiệp) gia đình sử dụng làm hai gian bằng giấy dầu để chăn nuôi, thả cá và trồng cây trên khu đất này.

+ Đối với thửa số 86 (4), diện tích 125,0m², chủ sử dụng là Lê Thị Ánh T6: thuộc thửa số 91, tờ bản đồ số 19 diện tích 558m², loại đất Ao, chủ sử dụng là UBND phường, thể hiện tại bản đồ địa chính phường T4 phê duyệt năm 1994 và thửa số 87, tờ bản đồ số 22, diện tích 561,5m², loại đất TSN, do UBND

phường quản lý trên bản đồ kỹ thuật số lập năm 2011; hội đồng xác định là đất trồng cây lâu năm khác thửa đất ở.

Căn cứ vào hồ sơ địa chính qua các thời kỳ có liên quan đến thửa đất, nguồn gốc, thời điểm, quá trình sử dụng đất và GCNQSDĐ đất cấp ngày 08/8/2002 của UBND Thành phố T, không có cơ sở xác định thời điểm sử dụng thửa đất của gia đình ông Lê Đình C, bà Nguyễn Thị L trước năm 1980.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 24 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định: “*Hộ gia đình, cá nhân sử dụng thửa đất có vườn, ao gắn liền với nhà ở đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trước ngày 01/7/2014 thì diện tích đất ở được xác định là diện tích ghi trên Giấy chứng nhận đã cấp*”.

Việc bồi thường giải phóng mặt bằng: Tổng diện tích đất gia đình ông Lê Đình C và các con ông được bồi thường là 666,4m² và được bồi thường về đất, tài sản, hoa màu và vật kiến trúc. Cụ thể:

+ Ông Lê Đình C được bồi thường 216,8m² gồm 80m² đất ở và 136,8m² đất trồng cây lâu năm cùng thửa đất ở; được bồi thường, hỗ trợ 1.256.828.000đồng.

+ Bà Lê Thị Ánh T6 được bồi thường 99,9m² gồm 40m² đất ở và 59,9m² đất trồng cây lâu năm cùng thửa đất ở; được bồi thường, hỗ trợ 767.203.000đồng.

+ Ông Lê Đại T7 được bồi thường 110,2m² gồm 40m² đất ở và 70,2m² đất trồng cây lâu năm cùng thửa đất ở; được bồi thường, hỗ trợ 773.384.000 đồng.

+ Bà Lê Thị Thanh H1 được bồi thường 114,5m² gồm 40m² đất ở và 74,5m² đất trồng cây lâu năm cùng thửa đất ở; được bồi thường, hỗ trợ 659.657.000 đồng.

+ Ông Trần Văn T8 và bà Lê Thị Ánh T6 được bồi thường 125m² đất trồng cây lâu năm khác thửa đất ở là 4.375.000 đồng.

Ngoài ra ông Lê Đình C và các con được giao 04 lô đất ở tái định cư, có thu tiền sử dụng đất như vậy là phù hợp với quy định của pháp luật.

Từ những phân tích, đánh giá như trên, Tòa án sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C, bà L là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm ông C không xuất trình được tài liệu, chứng cứ mới. Do đó, Hội đồng xét xử đồng tình với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa, không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Đình C, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[5] Kháng cáo không được chấp nhận nên ông Lê Đình C phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Tuy nhiên, xét thấy ông C là người cao tuổi và có đơn đề nghị được miễn án phí. Do đó có căn cứ miễn án phí hành chính phúc thẩm cho

ông Lê Đình C.

Từ nhận định trên, căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện là ông Lê Đình C; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2022/HCST ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh T;

2. Về án phí: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Lê Đình C.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực ngay sau khi tuyên án.

*** Nơi nhận:**

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh T;
- VKSND tỉnh T;
- Cục THADS tỉnh T;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Thị Thu Hà